

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10/2021



1. Hỏi đáp về chính sách thuế	3
- Hỏi đáp. - Công văn	
2. Kiến thức pháp luật	21
- Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. - Hóa đơn điện tử: Chuyển đổi phương thức quản lý và giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội. - Thủ tục giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho doanh nghiệp.	
3. Văn bản quản lý của nhà nước	32
- Thông tư số: 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số: 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính. - Nghị định số: 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số: 87/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.	



HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 13 Hỏi đáp

14 - 20 Công văn



1. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ! Hiện nay do tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, mỗi ngày một tăng thêm nên Công ty chúng tôi đã lên phương án phòng dịch để công ty không bị gián đoạn trong sản xuất. Công ty chúng tôi đã cho cán bộ công nhân viên cách ly ăn ở tại công ty và một số cán bộ công nhân viên ở khách sạn. Vậy, chi phí ăn ở khách sạn, tiền xét nghiệm cho CBCNV trước khi vào Công ty làm việc, khoản tiền phụ cấp các vật dụng khác có tính thuế TNCN không?

Công ty chúng tôi có thành lập tổ, đội dân quân tự vệ trong Công ty. Chúng tôi chi tiền phụ cấp cho đội dân quân tự vệ và khoản tiền bồi dưỡng đi trực trong các ngày lễ lớn. Vậy, khoản tiền trên có tính thuế thu nhập cá nhân hay không?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN; quy định các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

“2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

...

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

đ.4) Phần khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước. Mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế đối với một số trường hợp như sau:

đ.4.1) Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, Hội, Hiệp hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trả lời:

đ.4.2) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

đ.4.3) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài.

...

đ.7) Các khoản lợi ích khác.

Các khoản lợi ích khác mà người sử dụng lao động chi cho người lao động như: chi trong các ngày nghỉ, lễ; thuê các dịch vụ tư vấn, thuê khai thuế cho đích danh một hoặc một nhóm cá nhân; chi cho người giúp việc gia đình như lái xe, người nấu ăn, người làm các công việc khác trong gia đình theo hợp đồng...

g) Không tính vào thu nhập chịu thuế đối với các khoản sau: ...

...”;

- Tại Điều 3 quy định các khoản thu nhập được miễn thuế:

“1. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 4 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập được miễn thuế bao gồm:

...”.

Căn cứ các quy định trên, nếu khoản thu nhập của cá nhân thuộc thu nhập từ tiền lương, tiền công, không thuộc các khoản không phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN và các khoản thu nhập được miễn thuế thì phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của người lao động.

2. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính! Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2021. Đề nghị Bộ cho biết kinh phí thực hiện thẩm định, xét duyệt hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội có được áp dụng từ ngày 01/7/2020 không. Mong Bộ Tài chính xem xét và có ý kiến để chúng tôi biết và thực hiện. Xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội quy định "Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2021. Các chế độ trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021"; Theo đó, các chế độ trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội như: vật dụng sinh hoạt hàng ngày, đồ dùng học tập, sách giáo khoa đối với đối tượng đang đi học; mức trợ cấp xã hội được áp dụng từ ngày 01/7/2021 là thời điểm Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành để đảm bảo quyền lợi cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Đối với nội dung rà soát, thẩm định hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC là chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức thực hiện công tác rà soát, thẩm định hồ sơ; không phải chế độ trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội nên không được áp dụng từ ngày 01/7/2021 mà áp dụng từ ngày Thông tư số 76/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành (ngày 01/11/2021).

3. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Tôi làm nghề lái xe, có đóng BHXH, BHYT. Vừa qua, tôi giao hàng trong khu vực có ca nhiễm COVID-19. Tôi đã khai báo y tế tại trạm y tế xã Quảng Bình và chính quyền địa phương đề nghị tôi cách ly tại nhà từ ngày 26/8/2021-8/9/2021. Trong khoảng thời gian cách ly công việc và thu nhập của tôi bị ảnh hưởng. Xin hỏi, trường hợp của tôi có được hỗ trợ không? Nếu được thì tôi cần phải làm thủ tục như thế nào?

Trả lời:

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa trả lời vấn đề này như sau:

Nếu người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và được tham gia BHXH bắt buộc tại tháng liền kề trước khi bị ngừng việc do thuộc đối tượng phải cách ly y tế trong khoảng thời gian từ ngày 26/8/2021 đến hết ngày 8/9/2021 (14 ngày) thì được xem xét hỗ trợ 1.000.000 đồng/người (nếu người lao động đang nuôi con nhỏ chưa đủ 6 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em).

Để được hưởng chính sách, doanh nghiệp (nơi người lao động làm việc) đề nghị cơ quan BHXH xác nhận người lao động đang tham gia BHXH.

Sau khi có kết quả xác nhận của cơ quan BHXH, doanh nghiệp gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ đến UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để đề nghị hỗ trợ.

4. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Tôi làm việc cho Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Hoàng Tùng, ngành nghề chính: Mua bán giấy phế liệu. Tôi được Công ty cho nghỉ theo Chỉ thị 16, thời gian bắt đầu nghỉ là 14/7/2021 cho đến nay. Công ty tôi làm hồ sơ xin hưởng gói trợ cấp người lao động nghỉ việc không lương theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg với mức trợ cấp là 3.710.000 đồng nhưng hồ sơ bị trả về với lý do Công ty không được sự cho phép của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đồng ý cho nghỉ dịch. Tức là mặc dù Công ty chúng tôi chủ động cho người lao động nghỉ để phòng dịch nhưng UBND không chấp thuận và không đồng ý cho người lao động của Công ty chúng tôi được hưởng trợ cấp. Tôi thấy điều đó là không có căn cứ, đề nghị xem xét giải quyết.

Trả lời:

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trả lời vấn đề này như sau:



Theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, điều kiện người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động được hưởng chính sách hỗ trợ là tạm hoãn hợp đồng lao động từ 15 ngày trở lên; có đóng BHXH tháng liền kề trước thời điểm tạm hoãn hợp đồng lao động làm việc tại các doanh nghiệp, dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là điều kiện tham chiếu.

Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện “3 tại chỗ”, “1 cung đường – 2 điểm đến” hoặc các biện pháp phòng chống dịch khác (theo yêu cầu của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh tại Văn bản số 107/CV-BCĐ ngày 18/7/2021 và chỉ đạo của các địa phương) buộc phải dừng hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian thực hiện quy định này thì được xem là phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19. Đề nghị đơn vị liên hệ với UBND TP. Vũng Tàu để được hướng dẫn thêm.

5. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Đơn vị tôi thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án do UBND huyện làm chủ đầu tư. Theo Khoản 14 Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung Điều 57 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 thì trong nội dung thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật có nội dung là thẩm định "việc lập tổng mức đầu tư, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình". Tôi xin hỏi, khi thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật có cần phải thẩm định tính đúng đắn về khối lượng của dự toán để đưa ra giá trị tổng mức đầu tư xây dựng công trình hay không? Nếu cần phải thẩm định dự toán thì cơ quan thực hiện công tác thẩm định có được thu phí thẩm định dự toán hay không?

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:



Theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư thẩm định các nội dung quy định tại Khoản 3, 4 Điều 13 Nghị định này.

Theo đó, khi thẩm định cần phải đánh giá sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại, số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư xây dựng) so với thiết kế và xác định giá trị dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư xây dựng) bảo đảm tính đúng, tính đủ theo quy định.

Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định dự toán xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Hỏi:

Kính gửi Quý Bộ. Hiện nay trong Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các Nghị định: 10/2021/NĐ-CP, 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ chỉ có quy định về điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, điều chỉnh dự toán mà không có quy định về điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (thiết kế 1 bước).

Đề nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn, việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trong trường hợp điều chỉnh nhưng không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì áp dụng theo quy định nào (theo quy định về điều chỉnh dự án hay quy định về điều chỉnh thiết kế sau thiết kế cơ sở)? Cơ quan thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán điều chỉnh trong trường hợp này là người quyết định đầu tư hay là chủ đầu tư?

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:

Dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 52 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 10 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Nội dung của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng bao gồm thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác theo quy định tại Điều 55 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 56 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 13 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

Đối với việc điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (gồm nội dung thiết kế, dự toán điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của dự án sau khi điều chỉnh) như nêu tại câu hỏi của ông Hưng, người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định đã nêu và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Hỏi:

Trong đợt dịch COVID-19, công ty tôi có phát sinh một số khoản chi xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm cho nhân viên để phòng ngừa lây nhiễm vi rút COVID-19. Xin hỏi, khi đơn vị tôi làm xét nghiệm nhanh COVID-19 chỉ có phiếu thu dịch vụ và kết quả mà không có hoá đơn thì có được tính làm chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp không?

Trả lời:

Tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2, DN được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

...2.30. Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, trừ các khoản chi sau:...

- Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi đám hiếu, hỷ của bản thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.6, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.11 Điều này) và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp”.

Căn cứ các quy định trên, chi phí xét nghiệm nhanh COVID-19 cho nhân viên được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện về hóa đơn, chứng từ và thanh toán theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. Đồng thời, khoản chi này được tính trong khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động bị khống chế không quá 1 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

8. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ. Công ty đã hoàn thuế GTGT đến tháng 7/2019 và dự định xin hoàn thuế cho kỳ tiếp theo theo điều kiện hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Vậy nếu tôi đặt số tiền xin hoàn vào chỉ tiêu [42] ("Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn") trên tờ khai thuế GTGT kỳ tháng 5/2021 thì khi làm Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách, kỳ đề nghị hoàn thuế có bắt buộc phải từ tháng 8/2019 đến tháng 5/2021 không? Nếu công ty đặt chỉ tiêu hoàn thuế trên tờ khai thuế GTGT tháng 5/2021 nhưng khi làm Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách Công ty chỉ đề nghị hoàn từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2020 thì có được chấp nhận không?

Trả lời:

- Căn cứ Điều 2 Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 hướng dẫn nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ mục 2 Phần II nội dung quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử (Ban hành kèm theo Quyết định số 2790/QĐ-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định.
- Căn cứ công văn số 2035/TCT-KK về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT để hoàn thuế quy định:

Trả lời:

“ ...

- Trường hợp người nộp thuế có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT, đã khai số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết trong kỳ vào chỉ tiêu chuyển khấu trừ kỳ sau (chỉ tiêu 43 “Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau” trên tờ khai 01/GTGT hoặc chỉ tiêu 32 “Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau” trên tờ khai 02/GTGT) và không khai (hoặc đã khai) chỉ tiêu đề nghị hoàn thuế (chỉ tiêu 42 “Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn” trên tờ khai 01/GTGT hoặc chỉ tiêu 30 “Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn” trên tờ khai 02/GTGT) của tờ khai thuế GTGT chính thức của kỳ tính thuế đã nộp cho cơ quan thuế; đồng thời đã kết chuyển số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của kỳ tính thuế trước vào chỉ tiêu thuế khấu trừ kỳ trước chuyển sang (chỉ tiêu 22 “Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang” trên tờ khai 01/GTGT hoặc chỉ tiêu 21 “Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang” trên tờ khai 02/GTGT) trên tờ khai chính thức của kỳ tính thuế tiếp theo thì không được khai bổ sung làm tăng chỉ tiêu đề nghị hoàn trên tờ khai bổ sung của kỳ tính thuế đó.



Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp trên tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT) kỳ tính thuế tháng 5/2021 của Công ty có khai chỉ tiêu đề nghị hoàn thuế (chỉ tiêu 42), khi công ty thực hiện thủ tục hoàn thuế với cơ quan Thuế thì công ty gửi Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/ĐNHT). Tại Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước, công ty ghi kỳ hoàn thuế từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ khai thuế có chỉ tiêu hoàn thuế tháng 5/2021 hoặc từ kỳ khai thuế liền kề sau kỳ khai thuế phát sinh số thuế phải nộp sau kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ khai thuế có chỉ tiêu hoàn thuế tháng 5/2021.

Đề nghị độc giả căn cứ vào tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật về thuế và văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc về chính sách thuế, độc giả liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp Công ty để được hướng dẫn cụ thể.

1. Công văn số: 34268/CTHN-TTHT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ nhận quà tặng.

Ngày 25/08/2021, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 74/2021/CV-SAHN ngày 16/08/2021 của Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam (gọi tắt là Công ty) hỏi về vướng mắc về chính sách thuế TNCN đối với khoản thu nhập từ quà tặng bằng hiện vật cho nhân viên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

- Căn cứ khoản 5 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013.

Căn cứ những quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Trường hợp Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam dùng quà tặng bằng hiện vật cho cán bộ nhân viên không thuộc các khoản thu nhập từ nhận quà tặng quy định tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài Chính thì không phải kê khai, nộp thuế TNCN đối với quà tặng này.

2. Trường hợp Công ty tặng phiếu quà tặng mua hàng (Voucher) cho nhân viên thì:

+ Nếu nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng hoặc chi bằng tiền mặt cho cá nhân thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

+ Nếu nội dung chi trả không ghi đích danh cá nhân được thụ hưởng mà chi chung cho tập thể cán bộ nhân viên thì khoản thu nhập này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

2. Công văn số: 34732/CTHN-TTHT ngày 14 tháng 09 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc đổi tên chủ sở hữu Công ty TNHH tại Việt Nam do tái cơ cấu lại Công ty.

Trả lời công văn không số đề ngày 09/04/2021 của tổ chức Line Corporation (Nhật Bản) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam quy định.

- Căn cứ khoản 1 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN ngày 19/06/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam sửa đổi khoản 3 Điều 2 Luật thuế TNDN.

- Căn cứ khoản 1 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 về thu nhập chịu thuế TNDN.

- Căn cứ Điều 3 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN quy định về thu nhập chịu thuế.

- Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Căn cứ các quy định trên, do hoạt động chuyển đổi quyền sở hữu Công ty TNHH Line Technology Việt Nam giữa Line Corporation với Newco chưa diễn ra trên thực tế, không có hồ sơ chuyển nhượng cụ thể nên Cục Thuế TP Hà Nội chưa có cơ sở để khẳng định hoạt động này không phát sinh thu nhập chịu thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn theo ý hiểu của doanh nghiệp. Đề nghị Line Corporation nghiên cứu các căn cứ pháp luật về thuế TNDN và đối chiếu với tình hình thực tế phát sinh để xác định nghĩa vụ thuế phù hợp, đúng quy định. Trường hợp còn vướng mắc thì đề nghị cung cấp hồ sơ cụ thể và liên hệ với Phòng Thanh tra kiểm tra thuế số 2 để được hướng dẫn thực hiện.

3. Công văn số: 34733/CTHN-TTHT ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc áp dụng chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ phân loại trang thiết bị y tế.

Trả lời công văn số 1474/QUACERT-KT ghi ngày 05/08/2021 của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng quy định:

- + Tại Điều 4 hướng dẫn đối tượng không chịu thuế GTGT.
- + Tại Điều 9 hướng dẫn về thuế suất GTGT 0%.
- + Tại Điều 10 hướng dẫn về thuế suất GTGT 5%.
- + Tại Điều 11 quy định về thuế suất GTGT 10%.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Trung tâm Chứng nhận Phù hợp cung cấp dịch vụ phân loại trang thiết bị y tế theo quy định của pháp luật thì dịch vụ này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

4. Công văn số: 34762/CTHN-TTHT ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xác định chi phí được trừ thuế TNDN, thuế TNCN đối với quà tặng.

Ngày 25/8/2021, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 310/CV-OMRE ngày 20/8/2021 của Công ty CP One Mount Real Estate (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung 1 số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ khoản 10 Điều Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế, thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Căn cứ quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty CP One Mount Real Estate mua thẻ VinID làm quà tặng thì khi tặng thẻ VinID cho khách hàng, Công ty không phải lập hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty căn cứ vào chứng từ thu tiền của bên bán, và các hồ sơ tài liệu có liên quan đến việc sử dụng thẻ VinID phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để tính chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty CP One Mount Real Estate tặng quà (tiền mặt/hiện vật) cho tất cả đối tượng khách hàng không thuộc các khoản thu nhập từ nhận quà tặng quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài Chính thì không phải kê khai, nộp thuế TNCN đối với quà tặng này.

5. Công văn số: 35220/CTHN-TTHT ngày 17/9/2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế TNCN đối với khoản phụ cấp điện thoại và tiền ăn trưa.

Trả lời công văn số 08/CV-GHTK ngày 30/8/2021 của Công ty cổ phần Giao hàng tiết kiệm hỏi về thuế TNCN đối với khoản phụ cấp điện thoại và tiền ăn trưa.

- Căn cứ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội quy định
- Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- Căn cứ khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về các khoản chi được trừ & không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến:

1. Về thuế TNCN đối với khoản phụ cấp điện thoại và tiền ăn trưa của người lao động:

Trường hợp Công ty áp dụng hình thức khoán chi phụ cấp tiền điện thoại cho người lao động được ghi cụ thể Điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của

Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, nếu mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản khoán chi này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Trường hợp Công ty không tổ chức bữa ăn trưa, ăn giữa ca mà chỉ tiền ăn trưa, ăn giữa ca cho người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân nếu mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp mức chi cao hơn mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

2. Về thuế TNDN đối với khoản chi phí xét nghiệm Covid 19 cho người lao động:

Khoản chi phí xét nghiệm Covid-19 cho người lao động được coi là khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động, nếu khoản chi phí này được thực hiện theo quy định tại Điểm 2.30 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính và tổng số chỉ có tính chất phúc lợi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN khi có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và thanh toán theo quy định.

6. Công văn số: 35266/CTHN-TTHT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn về xuất hóa đơn GTGT.

Trả lời văn bản số 01MKHN/CV đề ngày 26/8/2021 của Công ty Cổ phần MarketSaigon VietNam Cooperation Chi nhánh Market HaNoi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) về việc Xuất hóa đơn GTGT đối với doanh nghiệp bán lẻ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trong thời gian từ ngày Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Trong thời gian nêu trên, trường hợp cơ quan Thuế chưa thông báo Công ty chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì Công ty vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó:

Trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần (kể cả trường hợp người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có)) và trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 200.000 đồng, người mua yêu cầu lấy hóa đơn thì Công ty phải lập hóa đơn theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 và Điều 18 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

7. Công văn số: 35267/CTHN-TTHT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế suất thuế GTGT của hoạt động thu hộ cước vận tải quốc tế.

Trả lời văn bản số KWE01082020 ngày 27/8/2021 của Chi nhánh giao dịch Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Công ty) hỏi về lập hóa đơn đối với hoạt động thu hộ cước vận tải quốc tế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ
- Căn cứ Công văn số 6142/BTC-CST ngày 09/5/2016 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định trên:

Trường hợp Chi nhánh Công ty trực tiếp ký hợp đồng và cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế cho khách hàng nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/TT-BTC thì dịch vụ này được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%.

Trường hợp Chi nhánh Công ty có phát sinh hoạt động thu hộ cước vận tải quốc tế cho các đại lý nước ngoài (chiều từ nước ngoài về Việt Nam) thì khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển của hãng tàu nước ngoài thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

8. Công văn số: 36670/CTHN-TTHT ngày 28 tháng 09 năm 2012 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế TNDN đối với khoản trợ cấp thôi việc.

Trả lời công văn số 1368-AITS-TCKT .ngày 17/9/2021 của Công ty cổ phần tin học viễn thông Hàng Không hỏi về thuế TNDN đối với khoản trợ cấp thôi việc, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.
- Căn cứ Điểm 2.12 Khoản 2 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Căn cứ các quy định nêu trên, từ ngày 01/01/2009 Công ty cổ phần tin học viễn thông Hàng Không có trách nhiệm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người lao động sẽ được hưởng trợ cấp thất nghiệp được chi trả bởi Cơ quan Bảo hiểm.

Trường hợp Công ty cổ phần tin học viễn thông Hàng Không chi trả khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động không theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội thì không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

9. Công văn số: 36672/CTHN-TTHT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn tiếng Việt không dấu.

Trả lời văn bản số 09/2021/CV/KASENC ngày 07/9/2021 của Công ty TNHH KAS E&C Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) về việc sử dụng hóa đơn tiếng Việt không dấu. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và Luật quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên và hồ sơ kèm theo văn bản hỏi của Công ty, trong thời gian từ ngày Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành. Theo đó:

Hóa đơn điện tử có giá trị pháp lý nếu thỏa mãn các điều kiện tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 32/2011/TT-BTC. Nội dung hóa đơn điện tử được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 32/2011/TT-BTC.

Trường hợp Công ty sử dụng hóa đơn điện tử có nội dung được ghi bằng chữ tiếng Việt không dấu thì các chữ viết không dấu trên hóa đơn phải đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch nội dung của hóa đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC nêu trên.



Kiến thức Pháp luật

- 22 Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.
- 26 Hóa đơn điện tử: Chuyển đổi phương thức quản lý và giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội.
- 29 Thủ tục giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho doanh nghiệp.

I. Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 28/2021/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Quyết định quy định đối tượng được hỗ trợ gồm:

1- Người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm ngày 30/9/2021 (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm thất nghiệp của cơ quan bảo hiểm xã hội), không bao gồm các trường hợp sau:

a- Người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân.

b- Người lao động đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định pháp luật hiện hành về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2- Người lao động đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 1/1/2020 đến hết ngày 30/9/2021 có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu theo quy định của pháp luật về việc làm, không bao gồm người đã có quyết định hưởng lương hưu hằng tháng.

3- Không áp dụng đối với đối tượng tự nguyện không nhận hỗ trợ.

Căn cứ tính mức hỗ trợ: Trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động tại thời điểm ngày 30/9/2021 nhưng chưa được tính hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trường hợp người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng đến ngày 30/9/2021 chưa có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp thì tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa hưởng làm căn cứ để xác định mức hỗ trợ của người lao động là tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa hưởng tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021.

I. Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần bằng tiền, cụ thể như sau:

- a- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp dưới 12 tháng: Hỗ trợ 1.800.000 đồng/người.
- b- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng đến dưới 60 tháng: Hỗ trợ 2.100.000 đồng/người.
- c- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 60 tháng đến dưới 84 tháng: Hỗ trợ 2.400.000 đồng/người.
- d- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 84 tháng đến dưới 108 tháng: Hỗ trợ 2.650.000 đồng/người.
- đ- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 108 tháng đến dưới 132 tháng: Hỗ trợ 2.900.000 đồng/người.
- e- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 132 tháng trở lên: Hỗ trợ 3.300.000 đồng/người.

Trình tự, thủ tục thực hiện

Đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp, cơ quan bảo hiểm xã hội lập danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định, gửi người sử dụng lao động. Chậm nhất đến hết ngày 20/10/2021, cơ quan bảo hiểm xã hội hoàn thành việc gửi danh sách đến tất cả người sử dụng lao động và công khai thông tin danh sách người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ trên trang thông tin điện tử của cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách do cơ quan bảo hiểm xã hội gửi đến, người sử dụng lao động công khai danh sách người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ để người lao động biết, đối chiếu, bổ sung thông tin (nếu có); lập và gửi danh sách người lao động có thông tin đúng, đủ và người lao động tự nguyện không nhận hỗ trợ theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định đến cơ quan bảo hiểm xã hội.

Người sử dụng lao động lập danh sách thông tin của người lao động cần điều chỉnh theo Mẫu số 03 kèm theo Quyết định (nếu có), gửi đến cơ quan bảo hiểm xã hội, kèm theo hồ sơ chứng minh thông tin điều chỉnh theo quy định pháp luật, chậm nhất đến hết ngày 10/11/2021.

I. Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách người lao động đúng, đủ thông tin và trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được danh sách người lao động điều chỉnh thông tin do người sử dụng lao động gửi đến, cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả tiền hỗ trợ cho người lao động. Khuyến khích chi trả thông qua tài khoản ngân hàng của người lao động.

Trường hợp không chi trả hỗ trợ, cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Còn đối với người lao động đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh hoặc cấp huyện nơi người lao động có nhu cầu nhận hỗ trợ theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định. Thời hạn tiếp nhận đề nghị hỗ trợ chậm nhất đến hết ngày 20/12/2021.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hỗ trợ của người lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả tiền hỗ trợ cho người lao động, thời gian hoàn thành chậm nhất vào ngày 31/12/2021. Khuyến khích chi trả thông qua tài khoản ngân hàng của người lao động.

Trường hợp không chi trả hỗ trợ, cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sau ngày 30/11/2021, người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp chưa nhận được hỗ trợ thì người lao động thực hiện theo quy định đối với người lao động đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Người lao động có thể nộp hồ sơ theo các hình thức sau: Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ I-VAN hoặc ứng dụng Bảo hiểm xã hội số (VssID); thông qua dịch vụ bưu chính; trực tiếp tại cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh hoặc cấp huyện.

Giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

Đối tượng được hỗ trợ theo chính sách trên là người sử dụng lao động quy định tại Điều 43 của Luật Việc làm đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp trước ngày 01/10/2021, không bao gồm các trường hợp sau:

1- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân.

I. Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

2- Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định pháp luật hiện hành về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được giảm đóng thì gửi cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đơn vị đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định pháp luật hiện hành về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3- Không áp dụng đối với đối tượng tự nguyện không nhận hỗ trợ.

Quyết định quy định giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Thời gian thực hiện giảm mức đóng là 12 tháng, kể từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022.

Hằng tháng, trong thời gian từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022, cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện giảm mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/10/2021.

II. Hóa đơn điện tử: Chuyển đổi phương thức quản lý và giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Việc sử dụng hóa đơn điện tử tạo sự yên tâm cho người mua hàng hóa, dịch vụ: sau khi nhận hóa đơn điện tử, người mua hàng hóa, dịch vụ có thể kiểm tra ngay trên hệ thống của cơ quan thuế để biết chính xác thông tin của hóa đơn người bán khai báo với cơ quan thuế và thông tin người bán cung cấp cho người mua. Bên cạnh đó, với việc hệ thống của cơ quan thuế ngừng ngay không cho doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích được xuất hóa đơn sẽ hạn chế việc người mua sử dụng phải hóa đơn của các doanh nghiệp này.

Chuyển đổi phương thức quản lý, sử dụng hóa đơn

Để triển khai Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, ngày 19/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ. Trong đó, điểm mới quan trọng nhất của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP là quy định việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

Theo đó, kể từ ngày 01/07/2022, toàn bộ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện hóa đơn điện tử (trừ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP không thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, không có hạ tầng công nghệ thông tin, không có hệ thống phần mềm kế toán, không có phần mềm lập hóa đơn điện tử để sử dụng hóa đơn điện tử và truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì thực hiện mua hóa đơn của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP).

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được đánh giá là có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc chuyển đổi phương thức quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử và giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, cho xã hội. Cụ thể:

Một là, đối với doanh nghiệp, việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp giảm chi phí hơn so với sử dụng hóa đơn giấy (giảm chi phí giấy in, mực in, vận chuyển, lưu trữ hóa đơn, không gian lưu trữ hóa đơn,...); Giúp doanh nghiệp giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế.

Khắc phục rủi ro làm mất, hỏng, cháy khi sử dụng hóa đơn giấy do hệ thống lưu trữ hóa đơn điện tử được sao lưu nên khả năng mất hoàn toàn dữ liệu hóa đơn là khó xảy ra.

II. Hóa đơn điện tử: Chuyển đổi phương thức quản lý và giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội.

Việc sử dụng hóa đơn điện tử tạo sự yên tâm cho người mua hàng hóa, dịch vụ: sau khi nhận hóa đơn điện tử, người mua hàng hóa, dịch vụ có thể kiểm tra ngay trên hệ thống của cơ quan thuế để biết chính xác thông tin của hóa đơn người bán khai báo với cơ quan thuế và thông tin người bán cung cấp cho người mua. Bên cạnh đó, với việc hệ thống của cơ quan thuế ngừng ngay không cho doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích được xuất hóa đơn sẽ hạn chế việc người mua sử dụng phải hóa đơn của các doanh nghiệp này.

Hai là, đối với cơ quan thuế và cơ quan khác của nhà nước trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình, việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp cơ quan thuế xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn.

Trong đó, cơ quan thuế và các cơ quan quản lý không tốn nhiều chi phí, thời gian đối chiếu hóa đơn như hiện nay. Từ đó, góp phần ngăn chặn kịp thời hóa đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích; ngăn chặn tình trạng gian lận thuế, trốn thuế.

Ba là, đối với xã hội, việc sử dụng hóa đơn điện tử góp phần khắc phục được tình trạng gian lận sử dụng bất hợp pháp hóa đơn (lập hóa đơn sai lệch nội dung giữa các liên) và tình trạng làm giả hóa đơn

Đồng thời, góp phần tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh cho các doanh nghiệp. Từ đó, giúp việc triển khai thương mại điện tử được hoàn thiện hơn từ đặt hàng trên mạng, giao hóa đơn điện tử qua mạng, thanh toán qua mạng. Bên cạnh đó, việc sử dụng hóa đơn điện tử giảm tối đa việc sử dụng giấy in góp phần bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh việc triển khai hóa đơn điện tử

Để hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 17/9/2021 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Đồng thời, Bộ Tài chính đã chỉ đạo Tổng cục Thuế lập kế hoạch triển khai theo 2 giai đoạn và đã ban hành các Quyết định về việc triển khai hóa đơn điện tử giai đoạn 1 tại 6 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Phú Thọ, Quảng Ninh, Bình Định.

II. Hóa đơn điện tử: Chuyển đổi phương thức quản lý và giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp và xã hội.

Nội dung Thông tư số 78/2021/TT-BTC quy định một số nội dung về hóa đơn điện tử gồm: ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; mẫu hiển thị các loại hóa đơn điện tử; ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử, ký hiệu hóa đơn điện tử; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác; hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế; tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định về một số nội dung về hóa đơn giấy gồm: tên loại hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn do Cục Thuế đặt in; Việc sử dụng biên lai thu thuế, phí, lệ phí của cơ quan thuế đối với cá nhân; và hướng dẫn xử lý chuyển tiếp.

Để triển khai hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC, Tổng cục Thuế yêu cầu Cục Thuế các tỉnh, thành phố cần tập trung rà soát, phân loại người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn là đối tượng sử dụng các loại hoá đơn điện tử theo quy định để thông báo đến từng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh về kế hoạch triển khai áp dụng hoá đơn điện tử và sẵn sàng chuẩn bị điều kiện về cơ sở hạ tầng và giải pháp công nghệ thông tin để thực hiện việc lập, chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, gửi hóa đơn điện tử cho người mua và các nội dung khác về quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

Rà soát và thông báo đến các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trên địa bàn để các tổ chức chuẩn bị các giải pháp và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng được việc cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử cho khách hàng theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Cục Thuế các tỉnh, thành phố tổ chức tập huấn cho người nộp thuế và cán bộ thuế các quy định về hóa đơn điện tử tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC và tổ chức triển khai thực hiện hóa đơn điện tử có kết quả.

Đồng thời, Cục Thuế các tỉnh, thành phố cần công bố đường dây nóng tại cục và chi cục thuế. Thường xuyên rà soát, nắm bắt các vướng mắc trong quá trình chuẩn bị và trong thời gian đầu thực hiện hóa đơn điện tử để xử lý ngay các vướng mắc phát sinh tại địa phương.

III. Thủ tục giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho doanh nghiệp.

Đây là một trong những nội dung đáng chú ý tại Công văn 3068/BHXX-CSXH do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành ngày 01/10/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định 28/2021/QĐ-TTg.

Cụ thể, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn quy trình giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người sử dụng lao động như sau:

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính:
 - + Hướng dẫn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng được giảm đóng gửi cơ quan BHXH 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc được phân loại tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP.
 - + Tiếp nhận thông báo theo Mẫu 01-TB/BHXX ban hành kèm Công văn này từ Phòng/Bộ phận Quản lý thu, chuyển các đơn vị.
 - + Nhận hồ sơ gồm các văn bản nêu trên từ đơn vị chuyển Phòng/Bộ phận Quản lý thu.
- Phòng/Bộ phận Quản lý thu:
 - + Lập Mẫu 01-TB/BHXX ban hành kèm theo Công văn này chuyển bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính để đơn vị hoàn thành trước ngày 05/10/2021.
 - + Tiếp nhận bản sao phân loại tự chủ tài chính từ Bộ phận tiếp nhận - trả kết quả và căn cứ dữ liệu quản lý thu BHTN, xác định đơn vị điều chỉnh mức đóng để thực hiện ngay việc giảm mức đóng BHTN.
 - + Hằng tháng, trong khoảng thời gian từ 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022, điều chỉnh mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng đang tham gia BHTN theo quy định.

Theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021, người sử dụng lao động được giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng tham gia BHTN.

Đối tượng áp dụng chính sách này là người sử dụng lao động quy định tại Điều 43 của Luật Việc làm đang tham gia BHTN trước ngày 01/10/2021 (không bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,...)

III. Thủ tục giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho doanh nghiệp.

Những lưu ý khi làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ BHTN

Theo Công văn 3068/BHXH-CSXH ngày 01/10/2021 của BHXH Việt Nam, người sử dụng lao động, người lao động khi làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ từ Quỹ BHTN theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, Nghị quyết 116/NQ-CP, cần lưu ý một số nội dung sau:

Đơn vị sử dụng lao động

- Đối với NLD không thay đổi thông tin và thời gian đóng BHTN, NLD tự nguyện không nhận hỗ trợ:

Lập danh sách theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg gửi trực tuyến cho cơ quan BHXH trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách theo Mẫu số 01 do cơ quan BHXH gửi (danh sách Mẫu số 02 có thể gửi nhiều lần).

Trường hợp đơn vị không giao dịch trực tuyến thì lập bản giấy, ký đóng dấu gửi cơ quan BHXH, gửi kèm bản mềm (file excel) vào địa chỉ email của cơ quan BHXH.

- Đối với NLD có thay đổi thông tin nêu tại danh sách theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg:

Lập danh sách theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg kèm hồ sơ theo quy định tại Điều 27 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 và khoản 31 Điều 1 Quyết định 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020, danh sách có thể gửi nhiều lần, ký, đóng dấu và scan hồ sơ gửi cơ quan BHXH.

Thời hạn thực hiện: Chậm nhất đến hết ngày 10/11/2021 hoàn thành.

- Trường hợp NLD chưa có số tài khoản cá nhân, đơn vị phối hợp với các ngân hàng hỗ trợ NLD mở tài khoản cá nhân.

- Sau ngày 30/10/2021, NLD chưa nhận được hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Quyết định 28/2021/QĐ-TTg. Cụ thể:

III. Thủ tục giảm đóng bảo hiểm thất nghiệp cho doanh nghiệp.

Người lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh hoặc cấp huyện nơi người lao động có nhu cầu nhận hỗ trợ theo Mẫu số 04. Thời hạn tiếp nhận đề nghị hỗ trợ chậm nhất đến hết ngày 20/12/2021.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hỗ trợ của người lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả tiền hỗ trợ cho người lao động, thời gian hoàn thành chậm nhất vào ngày 31/12/2021.

Đối với người lao động:

- NLD đang tham gia BHTN:

Đối chiếu và bổ sung đầy đủ các thông tin trên danh sách theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg; trường hợp chưa khớp đúng thì cung cấp các căn cứ để xác định thông tin chính thức cho đơn vị.

Sau ngày 30/11/2021, NLD chưa nhận được hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định 28/2021/QĐ-TTg. Cụ thể:

Người lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh hoặc cấp huyện nơi người lao động có nhu cầu nhận hỗ trợ theo Mẫu số 04. Thời hạn tiếp nhận đề nghị hỗ trợ chậm nhất đến hết ngày 20/12/2021.

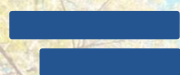
Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hỗ trợ của người lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả tiền hỗ trợ cho người lao động, thời gian hoàn thành chậm nhất vào ngày 31/12/2021.

- Đối với NLD đã dừng tham gia BHTN:

Đề nghị hưởng hỗ trợ theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan BHXH nơi NLD có nhu cầu nhận hỗ trợ chậm nhất đến hết ngày 20/12/2021.

Nhận lại hồ sơ và Mẫu số 03 - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) ban hành kèm theo Quyết định 2192/QĐ-BHXH năm 2019 chuyển trả từ cơ quan BHXH khi có thông tin, hoặc thời gian đóng BHTN không đúng, đủ với dữ liệu của cơ quan BHXH đang quản lý; hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 27 theo Quyết định 595/QĐ-BHXH và khoản 31 Điều 1 Quyết định 505/QĐ-BHXH.

Nếu NLD chưa có tài khoản ngân hàng thì đi làm để nhận chuyển khoản nhanh, an toàn trong mùa dịch.



VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- 33 Thông tư số: 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.
- 34 Thông tư số: 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.
- 35 Nghị định số: 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.
- 36 Nghị định số: 87/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.

Thông tư số: 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 77/2021/TT-BTC về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Cụ thể, đối với tiêu chí 4 về tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành, doanh nghiệp xếp loại A nếu đáp ứng các điều kiện sau: trong năm đánh giá xếp loại, doanh nghiệp không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế đối với nhóm hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu và nhóm hành vi trốn thuế; không bị hoặc bị cơ quan đại diện chủ sở hữu/cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản 01 lần về nộp báo cáo không đúng quy định, không đúng thời hạn;...

Bên cạnh đó, căn cứ vào danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để phân loại doanh nghiệp. Việc phân loại doanh nghiệp để thực hiện đánh giá xếp loại doanh nghiệp được Cơ quan đại diện chủ sở hữu nêu cụ thể trong quyết định giao kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho từng doanh nghiệp.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 03/11/2021.

Thông tư số: 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.

Ngày 17/9/2021 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 78/2021/TT-BTC về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Cụ thể, doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng theo mô hình kinh doanh được lựa chọn sử dụng hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử có mã, hóa đơn điện tử không có mã.

Hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phải sử dụng hóa đơn điện tử;

Hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán, hay khai thuế theo từng lần phát sinh nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh;

Bên cạnh đó, tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và không có mã cho người bán và người mua phải đáp ứng các tiêu chí sau: Là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Thông tin về dịch vụ hóa đơn điện tử được công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức; Có tối thiểu 5 nhân sự trình độ đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin; Có hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm;...

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2022.



Nghị định số: 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

Theo đó, các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử được sửa đổi, bổ sung bao gồm 04 hình thức sau: website cho phép người tham gia được mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng; website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ; Mạng xã hội có một trong các hình thức trên và người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc hoạt động đó.

Ngoài ra, bổ sung quy định về thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ chức có một trong hình thức hoạt động sau: website thương mại điện tử dưới tên miền Việt Nam; website thương mại điện tử có ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt; website thương mại điện tử có trên 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm.

Bên cạnh đó, điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thương mại điện tử gồm: nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam; nhà đầu tư nước ngoài chi phối từ 01 doanh nghiệp Việt Nam trở lên thuộc nhóm 05 doanh nghiệp dẫn đầu thị trường dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam theo danh sách do Bộ Công Thương công bố phải có ý kiến thẩm định về an ninh quốc gia của Bộ Công an.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Nghị định số: 87/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2021/NĐ-CP Về kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Theo quy định mới, tiếp tục thực hiện các quy định về tiền lương, tiền thưởng của người lao động và Ban điều hành; tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên tại Nghị định 20/2020/NĐ-CP đối với tập đoàn, tổng công ty sau: Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP; Công ty mẹ - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

Đồng thời, căn cứ quỹ tiền lương thực hiện, công ty quyết định sử dụng toàn bộ quỹ tiền lương để trả lương trong năm hoặc trích một phần để lập quỹ dự phòng bổ sung vào quỹ tiền lương của n lương thực hiện. năm sau, nhưng không được vượt quá 17% quỹ tiề

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2021.

Bản tin này bao gồm thông tin dưới dạng tóm tắt, do đó chỉ mang tính hướng dẫn chung. Bản tin này không nhằm thay thế cho nghiên cứu chi tiết hay đưa ra đánh giá, kết luận về mặt chuyên môn. Chúng tôi khuyến cáo độc giả hãy liên hệ với công ty để tham khảo ý kiến của các chuyên gia chuyên trách và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm nào với các thiệt hại xảy ra với bất kỳ cá nhân nào hành động hoặc có ý định hành động theo thông tin trong bản tin này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Anh Safomec, 7/1 Thành Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-C37 Bắc Hà, đường Tố Hữu, Q.Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

